

Số: 2478/TB-CPVNGĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2026.

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024; Luật phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15, ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024, quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC, ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-CPVNGĐ ngày 22/09/2026 của Cục trưởng Cục phục vụ Ngoại giao đoàn về việc Phê duyệt giá khởi điểm bán thanh lý điều hòa, các thiết bị tin học, máy phát điện, máy photocopy, xe hút bụi đường điều khiển điện, bình cứu hoả đã hư hỏng, không sử dụng được năm 2026;

Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn (là đơn vị có tài sản đấu giá) thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện bán đấu giá, thanh lý tài sản, với một số tiêu chí lựa chọn như sau:

I. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

Tên đơn vị có tài sản đấu giá: Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn.

Địa chỉ: Số 10 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá, giá khởi điểm:

1. Tên tài sản: Điều hòa, các thiết bị tin học, máy phát điện, máy photocopy, xe hút bụi đường điều khiển điện, bình cứu hoả đã hư hỏng, không sử dụng được năm 2026.

2. Số lượng: 01 lô (có bảng danh mục chi tiết kèm theo)

3. Chất lượng:

Điều hòa, các thiết bị tin học, máy phát điện, máy photocopy, xe hút bụi đường điều khiển điện, bình cứu hoả đã hư hỏng, không sử dụng.

4. Tổng giá khởi điểm: 68.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu đồng chẵn). Giá trên đã bao gồm 10% thuế VAT và không bao gồm các chi phí liên quan đến tháo dỡ, vận chuyển, giải phóng mặt bằng (các chi phí này do người trúng đấu giá tài sản chịu).

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

Mọi Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Phụ lục 01, 02 kèm Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài	5,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá. Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản	2,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó (tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp hóa đơn GTGT để chứng minh)	2,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	3,0
4	Tiêu chí khác: Trong năm 2025, tổ chức hành nghề đấu giá đã từng tổ chức đấu giá thành công tài sản bằng hình thức đấu giá trực tuyến cho Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn. (tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cung cấp Hợp đồng, hóa đơn GTGT để chứng minh).	1,0
	Tổng số điểm	100

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong số các tổ chức đó.

5. Hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ

1. Thời gian nộp hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá lên Cổng Đấu giá Tài sản quốc gia (Trong giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật).

2. Địa điểm nộp hồ sơ: Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn, tại địa chỉ: Số 10 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. (Điện thoại liên hệ: A. Dũng: 0978.282.933).

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/ căn cước công dân.

3. Quy cách hồ sơ: Tổ chức đấu giá nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá bao gồm đầy đủ thông tin các tiêu chí, bố cục trình bày nội dung hồ sơ theo thứ tự các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp được đóng quyển có đầy đủ tài liệu hợp pháp chứng minh năng lực được để trong phong bì dán kín niêm phong.

Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký tham gia.

Nơi nhận:

- Trang dgts.moj.gov.vn (Cổng Đấu giá Tài sản Quốc gia – Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, HĐTL.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Chu Đức Dũng

DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số 2478/QĐ-CPVNGĐ ngày 02/10/2026 của Cục trưởng Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn về việc Thông báo lựa chọn đơn vị đấu giá tài sản)

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CẤU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
A	Trang thiết bị thu hồi đã qua sử dụng là TSCĐ							
1	Xe hút bụi đường điều khiển điện	cái	1	326.661	326.661	QPTHĐSN		Cũ hỏng, không sử dụng được
2	Máy tính Server 346 IBM	Chiếc	1	362.957	362.957	NSNN và QPTHĐSN	Thiết bị máy chủ	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
3	Thiết bị tường lửa Sophos XG330	Chiếc	1	272.218	272.218	QPTHĐSN	Thiết bị máy chủ	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
4	Máy chiếu Panasonic	Chiếc	1	108.887	108.887	NSNN		Máy cũ, hỏng
5	Máy tính FPT ELEAD - Mã TSCĐ MT/QLLĐ/08	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Pentium IV; RAM: 02GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
6	Máy chủ Dell Tower	Chiếc	1	272.218	272.218	QPTHĐSN	Thiết bị máy chủ	Máy cũ, hỏng
7	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
8	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
9	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
10	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
11	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
12	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
13	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739	NSNN	CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
14	Máy quét Epson 1460 XL	Chiếc	1	181.479	181.479	QPTHĐSN		Máy cũ, hỏng
15	Máy photocopy Fuji Xerox DC-236	Chiếc	1	362.957	362.957	QPTHĐSN		Máy cũ thu hồi tại P402 theo YC74/TCNS ngày 10/03/2026
16	Máy phát điện DENNYO 70KVA	Chiếc	1	17.784.895	17.784.895	NSNN		Máy cũ thu hồi, đã không sử dụng nhiều năm
B	Vật tư trang thiết bị đã qua sử dụng là công cụ dụng cụ							
1	Máy tính xách tay Sony Vaio	Chiếc	1	90.739	90.739		Máy Laptop Cục trưởng	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
2	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
3	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
4	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
5	Máy tính xách tay Toshiba	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CẤU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
6	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
7	Máy tính xách tay Dell	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
8	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
9	Máy tính xách tay CMS Sputnik	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
10	Máy tính xách tay CMS Sputnik	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
11	Máy tính xách tay CMS Sputnik	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
12	Máy tính xách tay CMS Sputnik	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
13	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
14	Máy tính Đồng nam á	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
15	Máy tính ĐNÁ	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
16	Máy tính ĐNÁ	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
17	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
18	Máy tính HP	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
19	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
20	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
21	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
22	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
23	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
24	Máy tính Microlab	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Pentium IV; RAM: 02GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
25	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
26	Máy tính Mekong Green	Chiếc	1	90.739	90.739			Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
27	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
28	Máy tính ĐNÁ	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
29	Máy tính ĐNÁ	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CẤU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
30	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
31	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
32	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
33	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
34	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
35	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
36	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
37	Máy tính Microlab	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Pentium IV; RAM: 02GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
38	Máy tính FPT ELEAD	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Pentium IV; RAM: 02GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
39	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
40	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
41	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
42	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
43	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
44	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
45	Máy tính FPT ELEAD NT 2017	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
46	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
47	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng, không ổ cứng HDD
48	Máy In HP 1160	Chiếc	1	36.296	36.296			Máy cũ, hỏng
49	Máy In HP 5200	Chiếc	1	453.696	453.696			Máy cũ, hỏng
50	Máy In HP 2015	Chiếc	1	145.183	145.183			Máy cũ, hỏng
51	Máy Scan Canon Lide 110	Chiếc	1	36.296	36.296			Máy cũ, hỏng
52	Máy In HP 5200	Chiếc	1	453.696	453.696			Máy cũ, hỏng
53	Máy In Kim Epson LQ300	Chiếc	1	72.591	72.591			Máy cũ, hỏng

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CẤU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
54	Máy In Kim Epson LQ300	Chiếc	1	72.591	72.591			Máy cũ, hỏng
55	Máy tính CMS - XMEDIA	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng
56	Máy tính ĐNÁ	Chiếc	1	90.739	90.739		CPU: Intel Core i3; RAM: 04GB	Máy cũ, hỏng
57	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Nhà 48A Trần Phú	Cũ hỏng, không sửa chữa được
58	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	2	453.696	907.393		Nhà số 9 Chu Văn An	Máy cũ hỏng, không sửa chữa được
59	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P204 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ thu hồi đã qua sử dụng lâu năm không thể sửa chữa và khắc phục được
60	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P412 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ thu hồi đã qua sử dụng lâu năm không thể sửa chữa và khắc phục được
61	Điều hoà Fujitsu 18000BTU	bộ	2	635.175	1.270.350		P401/B2/VP	Cũ hỏng, không sửa chữa được
62	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P402/B1/VP	Cũ hỏng, không sửa chữa được
63	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P311 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ thu hồi đã qua sử dụng lâu năm không thể sửa chữa và khắc phục được
64	Điều hoà Daikin 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P314 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy chạy không mát do hỏng mạch dàn nóng, máy hoạt động không ổn định
65	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		73 Vạn Bảo	Cũ hỏng, không sửa chữa được
66	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P201/B5/VP	Cũ hỏng, không sửa chữa được
67	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P202/E4/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được
68	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P.DVTH - 73 Vạn Bảo	Máy cũ thu hồi, đã qua sử dụng lâu năm đưa vào sử dụng lại
69	Điều hoà General 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175			
70	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	2	635.175	1.270.350		P216-217 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy điều hoà cũ thu hồi sử dụng lại hỏng không thể sửa chữa được
71	Điều hoà 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Phòng thường trực, cổng B Ban Vạn Phúc	Cũ hỏng, không sửa chữa được. Nhãn hiệu mờ
72	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P305-306/A2/VP	Cũ hỏng, không sửa chữa được
73	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Đơn nguyên 3 nhà A1/VP	Cũ hỏng, không sửa chữa được
74	Điều hoà General 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P302/E3/TT	Cũ hỏng
75	Điều hoà Casper 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P501/E4/TT	Cũ hỏng, không thể sửa chữa được
76	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P203/E3/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được
77	Điều hoà LG 2c2c 9000BTU	bộ	1	326.661	326.661		P.DVTH - 73 Vạn Bảo	Điều hoà bị chập cháy Block, không khắc phục và sửa chữa được (máy cũ thu hồi đưa vào sử dụng lại)
78	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696			
79	Điều hoà Casper 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Nhà số 5 Lê Hồng Phong	Cũ hỏng không sửa chữa được
80	Điều hoà LG 2c2c 9000BTU	bộ	1	326.661	326.661		P203/E3/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CÁU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
81	Điều hoà LG 2c2c 9000BTU	bộ	1	326.661	326.661		Nhà 43 Trần Hưng Đạo	Cũ hỏng, không sửa chữa được
82	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P302/E1/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được
83	Điều hoà LG 2c2c 10000BTU	bộ	1	326.661	326.661		P101/E3/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được
84	Điều hoà General 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Đơn nguyên 3 nhà A3/VP	Đã cũ hỏng, hoạt động không ổn định, không sửa chữa được
85	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175			
86	Điều hoà LG 2c2c 24000BTU	bộ	1	1.088.871	1.088.871		Số 4 Lê Hồng Phong	Máy cũ hỏng Bloc, không sửa chữa được
87	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P318/E1/TT	Máy cũ hỏng không sửa chữa được
88	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P401/B1/VP	Máy hỏng Bloc, không khắc phục được
89	Điều hoà LG 2c2c 9000BTU	bộ	1	326.661	326.661		Nhà 48A Trần Phú	Hỏng Bloc không sửa chữa được
90	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Biệt thự 44/1 Vạn Bảo	Máy cũ hỏng Bloc, không sửa chữa được
91	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P203/E4/TT	Hỏng Bloc không sửa chữa được
92	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P.DVTH - 73 Vạn Bảo	Máy cũ thu hồi sử dụng lại bị hỏng không sửa chữa được
93	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P103/B3/VP	Máy hỏng Bloc, không khắc phục được
94	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P101/E4/TT	Cũ hỏng, không sửa chữa được
95	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P108 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ đã qua sử dụng lâu năm, kém lạnh, không đủ mát, kêu to xin thay máy mới
96	Điều hoà General 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P301/E3/TT	Cũ hỏng
97	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P409 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ đã sử dụng lâu năm không thể sửa chữa được
98	Điều hoà National 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Nhà 48B Trần Phú	Cũ hỏng
99	Điều hoà General 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P209/A1/VP	Cũ hỏng không sửa chữa được
100	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	2	635.175	1.270.350		Nhà 43 Trần Hưng Đạo	Quá cũ, không thể sửa chữa được
101	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P207-208/E3/TT	Cũ hỏng, không thể sửa chữa được
102	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Nhà số 9 Chu Văn An	Cũ hỏng, không sửa chữa được
103	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P204/E4B/TT	Máy hỏng Bloc, không khắc phục được
104	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Nhà số 4 Lê Hồng Phong	Cũ hỏng, không sửa chữa được
105	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P503/B4/VP	Hỏng Bloc không sửa chữa được
106	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		Trường Kinderworld - 46 Vạn Bảo	Cũ hỏng, không sửa chữa được
107	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		P411 số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ, đã hỏng không sửa chữa được
108	Điều hoà Casper 2c2c 12000BTU	bộ	1	544.436	544.436			
109	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P.DVTH - 73 Vạn Bảo	Cũ hỏng
110	Điều hoà General 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Nhà 53 Trần Phú	Cũ hỏng không sửa chữa được

STT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	NGUỒN HÌNH THÀNH	CÁU HÌNH	TÌNH TRẠNG - CHẤT LƯỢNG
111	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Nhà 51 Nguyễn Du	Hỏng Bloc không sửa chữa được
112	Điều hoà General 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175		P106/E1/TT	Cũ hỏng
113	Điều hoà LG 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175			
114	Điều hoà General 2c2c 18000BTU	bộ	1	635.175	635.175			
115	Điều hoà LG 2c2c 12000BTU	bộ	1	453.696	453.696		Nhà số 9 Chu Văn An	Cũ hỏng, không sửa chữa được
116	Điều hoà LG 2c2c 24000BTU	bộ	1	1.088.871	1.088.871		Nhà 51 Nguyễn Du	Cũ hỏng
117	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL4-ABC	Bình	130	18.148	2.359.221		Phòng điều khiển thang máy số 10 Lê Phụng Hiểu	Máy cũ thu hồi sử dụng lại bị hỏng Bloc không sửa chữa được
118	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL35-ABC	Bình	5	18.148	90.739			Quá hạn sử dụng, hỏng
119	Bình khí CO2	Bình	10	63.517	635.175			Quá hạn sử dụng
120	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL4-ABC	Bình	110	18.148	1.996.264			
121	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL35-ABC	Bình	5	18.148	90.739			Đã quá hạn sử dụng
122	Thang chữ A	cái	1	36.296	36.296			Đã quá hạn sử dụng
123	Thang dây chống cháy	cái	1	-	-			Đã hỏng
124	Thang tre	cái	1	-	-			Đã hỏng
125	Đèn ắc quy	cái	4	-	-			Đã hỏng
126	Bộ nội quy PCCC	bộ	15	3.630	54.444			Đã hỏng
127	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL35-ABC	Bình	4	18.148	72.591			Đã hỏng
128	Bình cứu hoả loại bột tổng hợp MFZL4-ABC	bình	49	18.148	889.245			Hết hạn sử dụng, đã hỏng
129	Bình khí CO2	Bình	10	63.517	635.175			Hết hạn sử dụng, đã hỏng
Tổng cộng			481		68.000.000			Đã qua sử dụng